

NHỮNG XU HƯỚNG NGHIÊN CỨU CHÍNH VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC HIỆN NAY TRÊN THẾ GIỚI

• TS. VƯƠNG THANH HƯƠNG
Trung tâm Thông tin - Thư viện

Trong bài diễn văn khai mạc Giải Nobel năm 2008 tại Thụy Điển, TS. Marcus Storch - chủ tịch Hội đồng quỹ Nobel đã nói: "Nền tảng của sự phát triển con người là tri thức. Những đóng góp tri thức quan trọng nhất là đến từ các đại học". Làm thế nào một đại học có thể hoàn thành nhiệm vụ của nó một cách tốt nhất? Theo TS. Marcus, một đại học có ba nhiệm vụ chính:

(1) *Là kí ức của xã hội* : Đòi hỏi các trường đại học chuyển tiếp tri thức chúng ta có hôm nay đến các thế hệ kế tiếp.

(2) *Là mũi nhọn của xã hội*: Tri thức - nền tảng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay đang tăng lên không ngừng. Nếu không nâng cao nguồn lực và chất lượng của các trường đại học bằng một cách nào đó để chúng ta giữ vững được nền tảng, thì chúng ta sẽ không thể thỏa mãn được nhiệm vụ cơ bản. Hệ lụy sẽ là một xã hội đình trệ.

(3) *Là tấm gương phê phán của xã hội*: Tuyên bố bởi Liên Hiệp Quốc về Tuyên Ngôn Phổ quát về các Quyền Con người vào ngày 10 tháng 12 năm 1948, một trong những điểm chính yếu của quyền con người là tự do tập hợp và trao đổi tri thức. Sự lựa chọn chiến lược trong phát triển giáo dục của các quốc gia sẽ đòi hỏi cả hai: Tri thức và lòng can đảm.

Trên bình diện quốc tế, những xu hướng nghiên cứu chính trong giáo dục đại học (GDĐH) hiện nay phải kể đến:

1. Nghiên cứu về toàn cầu hóa và giáo dục đại học

Theo những tài liệu nghiên cứu có được thì "thị trường hoá", "toàn cầu hoá", "giảm dần trung ương hoá" và "phái Tân hữu" (the New Right) đều có mối quan hệ với nhau. Toàn cầu hoá là một khái niệm tương đối phức tạp, nó không chỉ có quan hệ với khoa học xã hội mà còn đặt ra nhiều thách thức cho các quốc gia và khu vực trên thế giới.

Những nghiên cứu về toàn cầu hóa và GDĐH liên quan đến các nghiên cứu khám phá, các quá trình mang tính toàn cầu có ảnh hưởng đến thực tiễn và các chính sách phát triển GD ĐH của khu vực, của quốc gia. Có bốn đặc điểm lí luận chính

liên quan đến toàn cầu hóa và giáo dục là văn hóa quốc tế, các hệ thống quốc tế, hậu thuộc địa và văn hóa bản địa. Những thuyết trình về toàn cầu hóa và giáo dục liên quan mật thiết đến các vấn đề nghiên cứu về nền kinh tế tri thức và phát triển khoa học - công nghệ, học tập suốt đời, di cư toàn cầu hoặc chảy máu chất xám và chủ nghĩa tự do mới. Các tổ chức thường tiến hành nghiên cứu về toàn cầu hóa và GD ĐH phải kể đến Ngân hàng thế giới, OECD, Tổ chức thương mại quốc tế, Viện nghiên cứu kế hoạch hóa giáo dục quốc tế (IIEP), Liên hiệp quốc và UNESCO.

Những nghiên cứu về *toàn cầu hóa và GD ĐH* đặc biệt được thể hiện ở các chủ đề chính sau đây:

- *Tri thức đã và đang trở thành một yếu tố quan trọng cho tăng trưởng kinh tế và phát triển*:

Cạnh tranh quốc gia hiện nay phụ thuộc rất nhiều vào khả năng sản xuất và thu hút tri thức. GD ĐH đóng vai trò quan trọng trong sản xuất, phân phối và thu hút tri thức. Do vậy, việc mở rộng GD ĐH là điều kiện cần thiết để tăng thu nhập quốc dân và tăng khả năng cạnh tranh toàn cầu.

- *Trao đổi tri thức trở thành dịch vụ thương mại quốc tế giữa các quốc gia*

Các tiến bộ công nghệ đang vượt qua biên giới quốc gia nhanh hơn nguồn lực vật chất và con người. Việc toàn cầu hóa và thương mại xuyên biên giới, sản xuất tri thức tự bản thân nó trở thành quá trình phụ thuộc vào lực lượng thị trường. Hậu quả là các sản phẩm tri thức của các cơ sở sản xuất tri thức trở thành hàng hóa có thể thương mại như một phần được ghi trong "Thỏa thuận chung về thương mại trong các loại hình dịch vụ (GATS)". Thương mại trong GD ĐH đang thu hút đầu tư nguồn lực, kêu gọi cạnh tranh, mang lại lợi nhuận nhiều khi còn hơn một số ngành, lĩnh vực khác.

- *Toàn cầu hóa đòi hỏi tăng cường các kĩ năng trong thị trường toàn cầu*

Các hệ thống GD ĐH ở nhiều nước không đáp ứng yêu cầu sản xuất ra đội ngũ nhân lực có chuyên môn, kĩ năng cao và với kết quả này họ phải nhập khẩu nhân lực có chất lượng đến từ các quốc gia khác. Việc cạnh tranh nhân lực có kĩ

năng và 'trận chiến trí não' đang ngày càng tăng lên trong thị trường nhân lực toàn cầu. Nhiều quốc gia đã và đang khuyến khích giáo dục xuyên biên giới để sản xuất ra những sinh viên tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu chất lượng. Trong quá trình này, giáo dục xuyên biên giới trở thành công cụ quan trọng của toàn cầu hóa GD ĐH như một việc bổ sung vào sản phẩm kinh tế toàn cầu.

- Chú trọng nghiên cứu về quốc tế hóa và phát triển giáo dục xuyên biên giới - 'cross border education'

Năm 2005, bốn quốc gia (Úc, New Zealand, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ) đã thu được hơn 25 tỉ USD trong thực hiện giáo dục xuyên biên giới. Các trường ĐH quan tâm đến giáo dục xuyên biên giới kể từ khi nó trở thành một nguồn thu nhập mới, đặc biệt trong bối cảnh cắt giảm ngân sách nhà nước cho GD ĐH. Điều này được dự tính rằng thu nhập từ sinh viên ngoại quốc đến học chiếm nhiều hơn 1/3 tổng thu nhập ở một số trường đại học ở Úc. Nói một cách khác, giáo dục xuyên biên giới là mối quan tâm của đồng thời nhiều cơ sở đào tạo trong việc cung cấp giáo dục xuyên biên giới. Hiện tại có 04 hình thái GD ĐH xuyên biên giới, theo GATS, đó là sự huy động của: (a) Các chương trình và tài liệu khóa học; (b) Sinh viên; (c) Các nhà cung cấp và (d) Giảng viên.

2. Nghiên cứu về tư nhân hóa GD ĐH

GD ĐH đang phát triển nhanh chóng trong những thập niên gần đây và số lượng sinh viên nhập học đã tăng lên gấp đôi trong vòng 15 năm qua. Việc tăng nhanh số lượng sinh viên là để đáp ứng nhu cầu xã hội đối với GD ĐH và đòi hỏi cấp bách về đội ngũ nhân lực có kĩ năng tham gia thị trường lao động.

Nhiều chính phủ, đặc biệt ở các nước đang phát triển không có đủ nguồn lực đầu tư cho các trường đại học công lập. Do vậy họ đã đề ra các chiến lược mở rộng GD ĐH thông qua hỗ trợ tài chính từ các cơ sở ngoài công lập. Điều này liên quan đến các phương pháp thu hồi vốn trong các trường công lập và việc thành lập các trường đại học tư thực (Private Higher Education Institutions - PHEIs). Việc phát triển các trường ĐH tư thực là một phần quan trọng để mở rộng GD ĐH.

Các trường đại học tư thực sẽ được xếp vào 02 loại hình: Vì lợi nhuận (for-profit) và phi lợi nhuận (not-for-profit). Đối với các trường vì lợi nhuận sẽ được quản lý theo Luật doanh nghiệp, chúng hoạt động và thu lợi nhuận từ các dịch vụ giáo dục. Phần lớn các trường ĐH tư thực được xây dựng tại các vùng thành thị và cung cấp các khóa học

thần thiện với thị trường, chủ yếu trong các lĩnh vực quản trị doanh nghiệp, khoa học máy tính, kế toán, thị trường, kinh tế và giao tiếp. Học phí là yếu tố quan trọng và là nguồn chính trong thu nhập của các trường tư thực. Đối với các trường vì lợi nhuận, học phí thường cao, còn ở các trường ĐH tư thực do các cơ sở tôn giáo tài trợ, phi lợi nhuận thì sinh viên đóng học phí thấp.

Viện nghiên cứu kế hoạch hóa giáo dục quốc tế (IIEP) đã và đang tiến hành nghiên cứu lĩnh vực này ở nhiều quốc gia để hiểu sâu hơn về GD ĐH tư thực. Các nghiên cứu này tìm hiểu các vấn đề như: Phát triển GD ĐH tư thực, tuyển sinh, các mô hình sở hữu, loại hình khóa học, mô hình tài chính...

3. Nghiên cứu về đảm bảo chất lượng trong GD ĐH

Đảm bảo chất lượng trong GD ĐH hiện là một xu hướng nghiên cứu quan trọng ở nhiều nước trên thế giới. Gần 1/2 các quốc gia trên thế giới đã xây dựng cơ chế đảm bảo chất lượng GD ĐH trong vòng 1-2 thập kỉ gần đây. Các kết quả nghiên cứu đã lí giải vấn đề này như sau:

- Do sự bành trướng của hệ thống GD ĐH, hiện tại có nhiều loại hình cơ sở đào tạo khác nhau, qui mô khác nhau cung cấp GD ĐH bao gồm: cơ sở đào tạo công lập, tư thực, giáo dục xuyên biên giới và các tổ chức giáo dục từ xa.

- Toàn cầu hóa cũng mang đến sự gia tăng gian lận khoa học được ví như 'Xưởng sản xuất bằng cấp', 'Các nhà cung cấp trong một đêm', 'Cơ sở đào tạo ma' hoặc 'Gian lận bằng cấp'. Điều này đặt ra yêu cầu có các cơ sở thẩm định chất lượng thật để có thể cung cấp bằng chứng tin cậy trong khoa học thông qua sử dụng các phương pháp đảm bảo chất lượng.

- Chất lượng của các cơ sở GD ĐH đã và đang gánh chịu những khó khăn kinh tế và việc ưu tiên phát triển giáo dục cơ bản. Do vậy đặt ra kì vọng lớn về các cơ chế đảm bảo chất lượng sẽ duy trì kiểm tra và nâng cao chất lượng.

- Đảm bảo chất lượng gắn kết với việc huy động chuyên gia và gia tăng số lượng các quá trình hội nhập giữa các vùng trong nước và quốc tế. Điều này đặt ra yêu cầu đối với việc có cơ chế hiệu quả công nhận chuyên môn và thành tựu trong GD ĐH giữa các nước trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Các hướng nghiên cứu về vấn đề này chú trọng đảm bảo chất lượng của các cơ sở GD ĐH và trách nhiệm của nó cả ở cấp quốc gia và quốc tế.

Đảm bảo chất lượng của các cơ sở GD ĐH có hai mục tiêu lớn: Kiểm tra/tự chịu trách nhiệm và

nâng cao chất lượng. Kiểm tra/tự chịu trách nhiệm liên quan đến các quá trình đánh giá xem các cơ sở đào tạo hoặc chương trình đào tạo có đáp ứng những chuẩn tối thiểu. Nâng cao chất lượng xác định các quá trình phát triển như điểm mạnh, điểm yếu của cơ sở đào tạo và các hỗ trợ khoa học của nhà trường.

Viện nghiên cứu kế hoạch hóa giáo dục quốc tế (IIEP) đã tiến hành một dự án nghiên cứu về phương pháp luận và cách thức tổ chức của các hệ thống đảm bảo chất lượng. Dựa trên các kết quả nghiên cứu, họ đã soạn thảo 05 mô đun cho các chương trình giáo dục từ xa về “Đảm bảo chất lượng ngoài: Những lựa chọn cho lãnh đạo các cơ sở GD ĐH”. Các khóa học này đã được tổ chức tại bốn khu vực: Anglophone, Châu Phi năm 2006; Châu Á – Thái Bình Dương năm 2007; Francophone Châu Phi và các nước Arab năm 2008. Ngoài ra cũng có các khóa học tổ chức cho từng quốc gia với mục tiêu hỗ trợ xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng hoặc đánh giá chất lượng các hệ thống hiện hành.

4. Nghiên cứu và phát triển (R&D) trong GD ĐH

Sau thế chiến thứ hai, môi trường chính trị và tài chính công hỗ trợ cho nghiên cứu khá thuận lợi. Các nước phát triển, đặc biệt Hoa Kỳ rất chú trọng nghiên cứu trong GD ĐH, coi đó là nhân tố quan trọng cho phát triển và chủ yếu các trường ĐH tiến hành các hoạt động R&D. Sự kiện ‘Sputnik’ đã có ảnh hưởng lớn đến cạnh tranh trong nghiên cứu khoa học. Các chính sách và tài chính công được ưu tiên cho các hoạt động R&D của các cơ sở GD ĐH.

Khoảng cách tri thức ngày càng có sự khác biệt khá lớn giữa các nước phát triển và đang phát triển. Các nước đang phát triển thiếu các nguồn lực tài chính và con người và thiếu quan tâm đến các hoạt động R&D. Họ cần tăng cường sản xuất tri thức nội tại cũng như thu hút tri thức đến từ các nước khác. Để tiến hành nghiên cứu và tăng cường các nguồn lực nghiên cứu, hệ thống các trường ĐH cần được nâng cấp thông qua việc mở rộng các chương trình đào tạo đại học và sau đại học (đào tạo nghiên cứu sinh). Tri thức là yếu tố quan trọng giúp tăng trưởng kinh tế và cạnh tranh toàn cầu. Tiềm năng tăng trưởng trong tương lai của nền kinh tế tri thức phụ thuộc vào khả năng sản xuất tri thức, do vậy cần chú trọng đến những giá trị to lớn do các hoạt động R&D mang lại. Đầu tư vào các hoạt động R&D góp phần tăng sản xuất tri thức, dẫn đến tăng trưởng của nền kinh tế.

Kinh phí đầu tư cho R&D ở khu vực tư nhân thường dưới hình thức dự án – chú trọng nghiên cứu ứng dụng thực tiễn, ngược lại các cơ sở công lập thường nhấn mạnh đến các nghiên cứu cơ bản. Các cơ sở GD ĐH tự thực tự đầu tư các trang thiết bị phục vụ nghiên cứu khoa học. Nhiều trường ĐH kì vọng vào những nghiên cứu làm thế nào phát triển mối liên kết với các khu vực sản xuất và công nghiệp để tăng cường tính phù hợp và ứng dụng những kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đóng góp hữu ích vào các hệ thống đổi mới quốc gia.

5. Nghiên cứu về quản trị và quản lí GD ĐH

Sự bành trướng của GD ĐH mang tính truyền thống là gắn kết với các trường ĐH được cấp tài chính từ ngân sách nhà nước. Xu hướng này hiện đã và đang thay đổi. Nhà nước không còn là nhà tài trợ ngân sách chính và độc quyền cho GD ĐH. Hiện nay có rất nhiều mô hình phân bổ tài chính và loại hình các nhà cung cấp tài chính. Mô hình truyền thống phân bổ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đôi khi bị thay thế bởi các hệ thống học tập mở bao gồm các trường ĐH mở và các cơ sở đào tạo qua mạng. Sự phát triển của các đại học tự thực, giáo dục xuyên biên giới cũng như sự đóng góp của các khu vực ngoài nhà nước góp phần tăng số lượng sinh viên và mở rộng GD ĐH.

Quản trị và quản lí khu vực GD ĐH công lập bị nhận định là chưa đạt hiệu suất và hiệu quả. Cần phải đổi mới công tác quản lí hướng tới định hướng thị trường trong GD ĐH. Định hướng thị trường và việc cắt giảm ngân sách nhà nước buộc các trường ĐH phải chú trọng đến các nguồn thu khác để tăng cường nguồn lực. Để phát triển cần chuyển giao quyền và tính chịu trách nhiệm từ phía quản lí (Bộ, ngành) sang nhà trường/cơ sở đào tạo dưới hình thức tăng cường tự chủ cho các trường đại học.

Tăng quyền tự chủ của các trường công lập và tăng cường trách nhiệm, quyền của người thực hiện không phải là nhà nước đã làm thay đổi mối quan hệ quản lí và quản trị giữa nhà nước và các trường đại học. Các điều kiện dịch vụ, chất lượng hỗ trợ và kết quả thay đổi giữa các nhà cung cấp. Nói một cách khác, sự gia tăng nhanh chóng các nhà cung cấp, đa dạng các loại hình trường, các chương trình bởi các cơ sở đào tạo khác nhau đã đặt ra những thách thức trong việc quản lí của hệ thống. Hậu quả là cơ cấu quản lí mới và các thực tiễn quản lí đã được thực hiện ở cả hai cấp quản lí cấp cao và ở nhà trường.

UNESCO, IIEP, WB đã tiến hành những nghiên cứu và tổ chức các chương trình tập huấn trong lĩnh vực quản trị và quản lí GD ĐH. Những năm 1990, IIEP và WB tập trung nghiên cứu về quản lí ở các trường ĐH công lập, những năm gần đây họ chuyển sang chú trọng hơn đến các khu vực GD ĐH khác như: GD ĐH tư thục, giáo dục xuyên biên giới, các trường ĐH ảo, sự thay đổi các phương thức tài chính và cải tổ thể chế.

6. Nghiên cứu về xây dựng trường đại học đẳng cấp thế giới (World Class University)

Thuật ngữ 'trường ĐH đẳng cấp thế giới' là cụm từ khá quen thuộc trong thập kỉ gần đây, nó không chỉ mang ý nghĩa là cải thiện chất lượng học tập và nghiên cứu trong GD ĐH mà còn là phát triển năng lực cạnh tranh trong môi trường GD ĐH toàn cầu thông qua việc lĩnh hội, thích ứng và sáng tạo tri thức tiên bộ. Tuy nhiên Altbach đã đưa ra một đánh giá khá cô đọng và chuẩn xác rằng "... *ngịch lí của trường ĐH đẳng cấp thế giới là mọi người đều muốn có trường ĐH đẳng cấp thế giới, nhưng chẳng ai biết nó là cái gì và không biết bằng cách nào để có được nó*".

Mặc dù có nhiều mâu thuẫn và hạn chế về phương pháp đánh giá, việc xếp hạng các trường ĐH trên thế giới đã trở nên phổ biến và khó có thể biến mất trong bối cảnh phát triển GD ĐH hiện nay. Để xây dựng trường đại học đẳng cấp thế giới, các nhà khoa học kiến nghị các quốc gia hãy nghiên cứu và giải đáp những vấn đề dưới đây:

(1) Tại sao cần xây dựng trường ĐH đẳng cấp thế giới? Những lợi ích kinh tế và giá trị gia tăng mà họ mong muốn là gì khi thành lập một trường ĐH đẳng cấp thế giới so với giá trị của những trường hiện tại;

(2) Tầm nhìn đối với trường ĐH này là gì? Vị trí mà trường sẽ đạt được là gì?

(3) Nhà nước mong muốn và có thể đầu tư xây dựng bao nhiêu trường ĐH đẳng cấp thế giới?

(4) Chất lượng nào là tốt nhất trong hoàn cảnh hiện tại của quốc gia đó; nâng cấp các trường hiện hữu, sát nhập lại hay xây mới?

(5) Quá trình chọn lọc giữa các trường sẽ được thực hiện như thế nào nếu cách tiếp cận thứ nhất và thứ hai được lựa chọn?

(6) Mối quan hệ và sát nhập, tương thích giữa những trường mới với những trường ĐH cũ như thế nào?

(7) Sự chuyển đổi như vậy sẽ được tài trợ ra sao? Bao nhiêu % được chi từ ngân sách nhà nước? Phần nào sẽ do khu vực tư nhân tài trợ? Các sáng kiến để cụ thể hóa việc này sẽ như thế

nào (ví dụ cấp đất hay miễn thuế)?

(8) Công việc quản lí sẽ được bố trí như thế nào để thúc đẩy quá trình chuyển đổi này và hỗ trợ cho việc thực tiễn quản trị phù hợp? Mức độ tự chủ và các hình thức chịu trách nhiệm được áp dụng ra sao cho phù hợp?

(9) Vai trò của chính phủ trong quá trình này là gì?

(10) Làm thế nào để trường ĐH đó xây dựng được đội ngũ lãnh đạo tốt nhất?

(11) Tầm nhìn và các tuyên bố về sứ mệnh là gì, các mục tiêu cụ thể mà trường ĐH đó cần đạt được là gì?

(12) Những lĩnh vực nào trường ĐH đó cần phân đầu đạt mức xuất sắc trong cả giảng dạy và nghiên cứu?

(13) Nhóm sinh viên hướng tới là đối tượng nào?

(14) Các mục tiêu quốc tế hóa mà trường đó cần phải đạt được là gì (về chuyên ngành, sinh viên, chương trình...)

7. Những đề xuất nghiên cứu về GD ĐH ở Việt Nam

Vấn đề 'Nâng cao chất lượng giáo dục đại học' đã được các Đại biểu Quốc hội thảo luận tại kì họp thứ 7, Quốc hội khóa XII diễn ra vào tháng 6/2010. Các chủ đề chính cần được nghiên cứu để nâng cao chất lượng GDĐH Việt Nam được các đại biểu quốc hội đề xuất bao gồm:

(1) Việc phân cấp, phân quyền quản lí giáo dục đào tạo cho các trường đại học;

(2) Việc cấp phép thành lập các trường đại học;

(3) Nâng cấp các trường từ cao đẳng lên đại học;

(4) Việc cấp chỉ tiêu tuyển sinh của các trường đại học;

(5) Các chính sách đa dạng hóa loại hình đào tạo đại học;

(6) Quy hoạch, phân bổ giữa các vùng, miền trong giáo dục - đào tạo;

(7) Việc gắn liền GDĐH và phát triển kinh tế;

(8) Vấn đề nâng cao chất lượng nội dung chương trình đào tạo đại học;

(9) Việc áp dụng khoa học, kĩ thuật trong giáo dục - đào tạo;

(10) Công tác nghiên cứu khoa học trong GDĐH;

(11) Chất lượng GDĐH hiện nay;



(12) Trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ giảng dạy đại học;

(13) Vấn đề tăng cường kiểm tra giám sát trong giáo dục - đào tạo; việc liên kết đào tạo chính quy và phi chính quy;

(14) Vấn đề xử lí vi phạm trong quản lý giáo dục - đào tạo.

So sánh với những xu hướng nghiên cứu chính về GD ĐH trên thế giới, GD ĐH Việt Nam đang rất cần những nghiên cứu có mang tính phổ quát chung trong phát triển GD ĐH thế giới đồng thời cũng cần có các công trình nghiên cứu giải quyết thực tiễn phát triển GD ĐH mang tính đặc thù của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. "Globalization and cross-border education: Challenges for development of higher education in Commonwealth countries". Paper prepared for the 17th Conference of Commonwealth Education Ministers Vice-Chancellors' Forum, Kuala Lumpur, Malaysia, 15-19 June 2009.

2. N.V. Varghese. *GATS and Transnational Mobility in Higher Education*. In: Global Education Research Reports. New York: Institute of International Education (IIE), and the American Institute for Foreign Study Foundation (AIFS), 2009.

3. M. Martin. *Equity and quality assurance: a marriage of two minds..* 2009. New Trends in Higher Education series. Paris: IIEP-UNESCO, forthcoming.

4. R. Martinez; I. Kitaev. *Entrepreneurialism and internationalization of higher education in a knowledge society*. In: M. Shattock (Ed.) 2009. 'Entrepreneurialism in universities and the knowledge economy: diversification and organizational change in European higher education'. Berkshire: Society for Research into Higher Education (SRHE) & Open University Press, in association with IIEP/UNESCO.

5. Jamil Salmi. *Challenges in developing the world class university*. The World bank, 2009.

6. <http://www.na.gov.vn/htx/Vietnamese/?Newid=39596#1BBk4QrpntIW>

SUMMARY

This article presents 6 main focuses in higher education studies, those are globalization and higher education, R&D in higher education, privatization in HE, HE management and world class universities. The author proposes some topics for HE research in Vietnam in the current time.

PHÁT TRIỂN TÌNH HUỐNG...

(Tiếp theo trang 44)

thời gian bảo hành là $P_{12}(i=1, k)$. Một sản phẩm do phân xưởng $T_i(i=1, k)$ sản xuất bán ra không hỏng trong thời gian bảo hành, nhà sản xuất lãi $L_{11}(i=1, k)$ đơn vị tiền. Một sản phẩm do phân xưởng $T_i(i=1, k)$ sản xuất bán ra bị hỏng trong thời gian bảo hành, nhà sản xuất thiệt hại $L_{12}(i=1, k)$ đơn vị tiền. Tính lợi nhuận trung bình khi bán một sản phẩm.

Mô hình bài toán: Tìm doanh thu trung bình EX (tiền lãi khi bán một sản phẩm).

Theo các cách phát triển tình huống như trên, sẽ xây dựng được các bài toán tiệm cận với những tình huống thật trong sản xuất. Qua đó SV hiểu rằng để giải quyết một vấn đề thực tiễn, cần phải phát hiện và giải quyết không chỉ một bài toán. Giảng viên cần bắc nhịp từ các bài toán phổ thông tới các vấn đề thực tiễn, cần rèn luyện cho SV khả năng phát triển bài toán thực tiễn từ tình huống thực tế. Việc làm này nên được tiến hành thường xuyên trong tất cả các phân môn Toán, đặc biệt là các phân môn toán ứng dụng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Blekman I. I., Murskix A.D., Panovko Ia.G. *Toán học ứng dụng*. Người dịch: Trần Tất Thắng. NXB Khoa học kĩ thuật Hà Nội, 1985.

2. Bộ GD&ĐT, *Chương trình giáo dục phổ thông cấp THPT*, NXBGD, 2006.

3. Nguyễn Bá Kim, *Phương pháp dạy học môn Toán*, NXB ĐHSP, 2006.

4. Bùi Huy Ngọc, *Tăng cường khai thác nội dung thực tế trong dạy học số học và đại số nhằm nâng cao năng lực vận dụng toán học vào thực tiễn cho học sinh trung học cơ sở*. Luận án tiến sĩ giáo dục học. Trường Đại học Vinh, 2006.

5. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển Tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển và Ngôn ngữ, Hà Nội, 1992.

6. Nguyễn Ngọc Thắng, Nguyễn Đình Hoá, *Quy hoạch tuyến tính*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.

SUMMARY

According to the author lecturers could develop the ability to transform a real situation into real exercise by students by 3 approaches: looking at real situations from various perspectives, developing real situations into real exercises with new theoretical approaches, extending the real situations; these areas very important in applied Mathematics.